TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 297/2026/HNGĐ-ST Ngày: 22-7-2026 V/v: Ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NINH BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Cận;

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

-***Thư ký phiên toà***: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2026/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm M, xã G, tỉnh Ninh Bình; "vắng mặt".

Bị đơn: Ông Ngô Bình N, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm M, xã G, tỉnh Ninh Bình; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16-3-2026, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày: Bà và ông Ngô Bình N tự nguyện tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện X, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là xã G,

tỉnh Ninh Bình) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/9/1989. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng có 03 con chung là Ngô Đức N1, sinh ngày 12-3-2003, Ngô Trọng T1, sinh ngày 23-10-1992 và Ngô Thị H, sinh ngày 19-7-1994. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông N; Cả 03 con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Bình N trình bày: Ông và bà Ngô Thị T tự nguyện tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện X, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/9/1989. Quá trình chung sống thì giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Nay bà T có đơn ly hôn thì quan điểm của ông không nhất trí ly hôn.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 04-5-2026, cơ sở xã G, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Bà Ngô Thị T và ông Ngô Bình N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện X, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 15/9/1989 và đã có 03 con chung là Ngô Đức N1, sinh ngày 12-3-2003, Ngô Trọng T1, sinh ngày 23-10-1992 và Ngô Thị H, sinh ngày 19-7-1994. Nay bà T có đơn ly hôn ông N, thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa bà Ngô Thị T và ông Ngô Bình N. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị T và ông Ngô Bình N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị T và ông Ngô Bình N tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện X, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 15-9-1989 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên đã xảy ra mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện để hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng bà T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với ông Ngô Bình N. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của bà T xin ly hôn ông N là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà T và ông N có 03 con chung là Ngô Đức N1, sinh ngày 12-3-2003; Ngô Trọng T1, sinh ngày 23-10-1992 và Ngô Thị H, sinh ngày 19-7-1994. Các con chung đều đã trưởng thành. Bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; bà T và ông N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228, Điều 238; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa bà Ngô Thị T và ông Ngô Bình N.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Ngô Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí. Bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 2753 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị T và ông Ngô Bình N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Giao Phúc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hiền